

Bản án số: 11/2025/HS-PT

Ngày: 25 – 02 – 2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Văn Bản

Ông Hoàng Quý Sửu

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Diệp Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*  
Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 141/2024/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HSST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo:

Vi Văn T1 (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 22 tháng 3 năm 1971; Nơi thường trú: Xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Họ và tên bố: Vi Văn H (đã chết); Họ và tên mẹ: Hà Thị Đ; có vợ là: Hoàng Thị N; có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại tại địa phương, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:**

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956. (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

**Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng S1 – Chức vụ: Phó trưởng phòng ông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V. (vắng mặt)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã T, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: Bà Chu Thị Lệ H1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hứa Văn N1, sinh năm 1971 – Chức vụ: Công thức địa chính, nông nghiệp, xây dựng và môi trường xã. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Nông Văn T2, sinh năm 1962. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1963. (vắng mặt)

5. Ông Đào Văn T4, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Trú tại: Xóm L, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

**Người làm chứng:** Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1974. (có mặt)

Trú tại: Xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/6/2000 Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q693693, số vào sổ 00286QSDĐ/4011/1998/QĐ-UB/H cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, trú tại xóm L, xã T, huyện V quản lý sử dụng 141.700m<sup>2</sup> đất rừng gồm các thửa 75, 96, 97, 98, 99 khoảnh 15, tiểu khu C Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1998 là đất trống và đất rừng tự nhiên thuộc xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T không canh tác, trồng cây trên phần đất rừng tự nhiên.

Cũng trong một phần diện tích đất rừng tự nhiên tại các thửa đất trên vào khoảng năm 1997, khi ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông Nông Văn T2, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1963, cùng cư trú tại xóm L, xã T, huyện V, đã tự phát dọn bề mặt đất rừng có diện tích khoảng 01 (ha) để canh tác trồng cây lương thực cho gia đình. Sau khi canh tác được một vài năm vợ chồng ông T2 không canh tác nữa mà để hoang đến tháng 11/2021 đã tự ý nhượng lại phần diện tích đất rừng này cho Vi Văn T1, sinh năm 1971, nơi cư trú: xóm L, xã T, huyện V. Sau đó T1 có nhu cầu trồng cây Bạch đàn lấy gỗ bán để phát triển kinh tế, nhưng T1 không làm các thủ tục đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép cắt hạ cây trên bề mặt rừng để lấy đất trống trồng cây. Vào khoảng tháng 01/2022 T1 gặp và thuê anh Đào Văn T4, sinh năm 1985, nơi cư trú: xóm L, xã D, huyện V cùng đi cắt

hạ cây, phát dọn bề mặt rừng, khi thuê T1 nói là rừng của gia đình T1, phát dọn để trồng cây Bạch đàn thì anh T4 đã đồng ý đi làm cùng T1. Quá trình phát dọn rừng T1 dùng dao phát dọn, đốt cây bụi và mang một chiếc cưa máy (cưa xăng) của T1 để cho anh T4 sử dụng cắt hạ các cây gỗ mọc trên bề mặt đất rừng. Sau khi đốt dọn xong T1 đã trồng cây Bạch đàn trên diện tích đất rừng này.

Đến ngày 07/4/2022 UBND xã T kiểm tra phát hiện thửa đất Vi Văn T1 đã phá, đốt dọn thuộc thửa đất số 204 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T năm 2006, chỉnh lý năm 2013 (thuộc lô 2, khoảnh 9C, tiểu khu A Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã T; thuộc thửa đất số 98 khoảnh 15, tiểu khu C Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1998) là rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản xuất nên đã tiến hành lập biên bản sự việc. Ngày 26/4/2022 UBND xã T đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Hạt kiểm lâm huyện V để giải quyết. Sau khi xác minh giải quyết ban đầu, ngày 03/6/2022 Hạt kiểm lâm huyện V chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã phối hợp với các Cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, tại hiện trường quá trình kiểm đếm xác định có 58 gốc cây bị cắt hạ (xác định được tên 13 loại cây gỗ), phần cây bị cắt hạ không còn lại ở hiện trường. Số lượng lâm sản đã bị chặt, phát, đốt và thiệt hại về kinh tế, thời điểm khai thác không xác định được do số lượng lâm sản bị cắt phá không còn lại hiện trường và không thu giữ được.

Tại kết luận giám định số: 333-2023/KL/LNNĐ ngày 29/12/2023 của V nhiệt đới kết luận:

- Vị trí chặt, phát, đốt thuộc thửa 204 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã T năm 2006 chỉnh lý năm 2013 thuộc quy hoạch rừng sản xuất đảm bảo tiêu chí rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 4, Mục 1, Chương II, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

- Diện tích bị chặt, phát, đốt là 6.541m<sup>2</sup>.

- Các mẫu gỗ gửi giám định thuộc các nhóm từ VI đến VIII đều là loài thực vật thông thường, không có tên trong Sách đỏ Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành về các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng (có bảng kê kèm theo bản kết luận).

- Về khối lượng lâm sản, thiệt hại kinh tế, thời điểm bị chặt, phát, đốt: Chưa đủ hồ sơ, tài liệu để xác định.

Tại Cơ quan điều tra Vi Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản kiểm tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 01 cưa máy vỏ màu đỏ - trắng, 01 lưỡi lam xích kim loại; 01 con dao kim loại, cán dài 33,5cm, lưỡi cong một cạnh sắc dài 18,5cm

đều cũ đã qua sử dụng là cửa Vi Văn T1 dùng phát phá gỗ trái phép do T1 giao nộp. Trong quá trình khám nghiệm hiện trường đã thu giữ 58 mẫu gỗ, đã lấy 13 mẫu phục vụ cho công tác giám định. Còn lại 45 mẫu gỗ kích thước không đồng đều, đã khô.

Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Nguyên đơn dân sự UBND huyện V, đại diện là ông Nguyễn Hồng S1 – Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện V không có đề nghị gì.

Tại bản án sơ thẩm số 40/2024/HSST ngày 19/11/2024, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Vi Văn T1 phạm tội: “Huỷ hoại rừng”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn T1 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 02/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng không đưa ra các vi phạm tố tụng và các yêu cầu cụ thể, bị cáo khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo Vi Văn T1 và các vấn đề liên quan đến phạm vi, nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T gửi trong trong thời hạn theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Mục đích để trồng cây Bạch đàn phát triển kinh tế. Khoảng tháng 01/2022 đến tháng 3/2022, Vi Văn T1 không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, nhưng đã tự ý dùng dao phát dọn đốt cây bụi và thuê Đào Văn T4, sinh năm 1985, trú tại xóm L, xã D, huyện V dùng cưa máy chặt phát 58 cây gỗ gồm 13 chủng loại khác nhau trên tổng diện tích 6.541m<sup>2</sup> tại thửa số 204 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã T năm 2006 chỉnh lý năm 2013 (thuộc lô 2, khoản 9 C, tiểu khu A Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng; thửa đất số 98 khoản 15, tiểu khu C Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1998) là rừng sản xuất trạng thái rừng tự nhiên thuộc xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, cơ quan quản lý là UBND xã T, huyện V. Diện tích rừng này UBND huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, trú tại xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên ngày 20/6/2000.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vi Văn T1 về tội “Huỷ hoại rừng”: theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T:

- Về tố tụng: Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên bản án không đề cập cũng như quyết định vấn đề gì liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông T. Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T.

- Theo Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau: Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Như vậy trong vụ án này, bản án sơ thẩm không quyết định vấn đề gì liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông T nên ông không có quyền kháng cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, tuy nhiên ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 40/2024/HSST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vi Văn T1 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Huỷ hoại rừng”.

Giao bị cáo Vi Văn T1 cho UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

2. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 40/2024/HSST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- TAND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Công an huyện Võ Nhai;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Tuấn**